

# CÁC BƯỚC CHUẨN BỊ VÀ XÂY DỰNG QUY TRÌNH SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU TÌNH HUỐNG TRONG DẠY HỌC TÂM LÝ HỌC Ở TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM BÀ RỊA - VŨNG TÀU

TRẦN THU HIỀN\*

Ngày nhận bài: 6/09/2016; ngày sửa chữa: 12/09/2016; ngày duyệt đăng: 21/9/2016.

**Abstract:** The article mentions concept of case-study teaching method and proposes a process of designing lesson plans under case-study method for Psychology teaching. This teaching method has been applied in some Psychology lessons at Ba Ría - Vung Tau college of education. Based on actual situation, the author points out the advantages and disadvantages in applying the case-study method in teaching Psychology, in which advantages far outweigh disadvantages. Therefore, application of case-study teaching method will promote the positive and creativity of learners in learning.

**Keywords:** Case-study teaching method, Psychology.

## 1. Đặt vấn đề

Việc đổi mới phương pháp dạy học (PPDH) để người học chủ động, tích cực, sáng tạo trong học tập là một vấn đề cần thiết và không thể thiếu được trong sự nghiệp đổi mới giáo dục nói chung, dạy học (DH) tâm lý, giáo dục học nói riêng. Làm thế nào để giảng dạy tốt bộ môn *Tâm lý học* (TLH) là điều mà các giảng viên dạy môn học này luôn quan tâm, trăn trở. Qua thực tế DH trong trường sư phạm, chúng tôi nhận thấy người học sẽ rất khó nắm vững tri thức về TLH nếu không được dẫn chứng minh họa từ những tình huống (TH) sinh động, gần gũi diễn ra trong thực tiễn cuộc sống xung quanh.

*Phương pháp nghiên cứu tình huống* (PPNCTH) là một PPDH tích cực được tổ chức theo những TH có thực của cuộc sống, trong đó người học được kiến tạo tri thức qua việc giải quyết các vấn đề có tính xã hội của việc học tập. Phương pháp này có nhiều ưu điểm nổi trội: làm tăng tính thực tiễn của môn học, giúp người học dần hình thành năng lực giải quyết các vấn đề thực tiễn, khơi gợi hứng thú học tập, phát huy tính chủ động, tích cực và sáng tạo trong học tập, nghiên cứu của học sinh (HS), sinh viên...

## 2. Nội dung

### 2.1. Khái quát về PPNCTH trong DH

2.1.1. TH. Theo *Từ điển Tiếng Việt*, "TH là toàn thể những sự việc xảy ra tại một địa điểm, trong một thời gian cụ thể, buộc người ta phải suy nghĩ, hành động, đối phó, tìm cách giải quyết" [1].

TH cũng có thể được hiểu là sự mô tả hay trình bày một trường hợp có thật trong thực tế hoặc mô phỏng nhằm đưa ra một vấn đề chưa được giải quyết

và qua đó đòi hỏi người đọc (người nghe) phải giải quyết vấn đề đó.

Ở góc độ TLH, TH là hệ thống các sự kiện bên ngoài có quan hệ với chủ thể, có tác dụng thúc đẩy chủ thể đó. Trong quan hệ không gian, TH xảy ra bên ngoài nhận thức của chủ thể. Trong quan hệ thời gian, TH xảy ra trước so với hành động của chủ thể. Trong quan hệ chức năng, TH là sự độc lập của các sự kiện đối với chủ thể ở thời điểm mà người đó thực hiện hành động [2].

2.1.2. TH trong DH. Một TH thông thường chưa phải là một TH DH. Nó chỉ trở thành TH DH khi giáo viên (GV) đưa những nội dung cần truyền thụ vào trong các sự kiện TH và cấu trúc các sự kiện sao cho phù hợp với logic sư phạm, để khi người học giải quyết sẽ đạt được mục tiêu DH.

Trong giảng dạy, TH không phải là những trường hợp bất kỳ trong thực tế mà là những TH đã được điều chỉnh, nghiên cứu kỹ lưỡng để phục vụ mục tiêu giáo dục (giúp người học có thể hiểu và vận dụng tri thức cũng như rèn luyện được các kỹ năng và kỹ xảo. TH được sử dụng để kích lệ người học phân tích, bình luận, đánh giá, suy xét và trình bày ý tưởng của mình, từ đó chiếm lĩnh tri thức hay vận dụng những kiến thức đã học vào những trường hợp thực tế.

2.1.3. DH TH. Theo tác giả Trịnh Văn Biều: DH bằng TH (thường được dùng với tên ngắn gọn: DH TH) là một PPDH được tổ chức theo những TH có thực của cuộc sống, trong đó người học kiến tạo tri thức qua việc giải quyết các vấn đề có tính xã hội. Theo Phan Trọng Ngọ, bản chất của PPDH bằng TH là thông qua việc giải quyết những TH, người học

\* Trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa - Vũng Tàu

có được khả năng thích ứng tốt nhất với môi trường xã hội đầy biến động.

**2.1.4. PPNCTH trong DH.** Trong đào tạo sư phạm, PPNCTH đã được sử dụng rộng rãi nhất là trong vòng 20 năm trở lại đây, giúp người học liên hệ lí thuyết với thực hành và do đó, mang lại một sức sống mới cho không khí học tập trên các giảng đường.

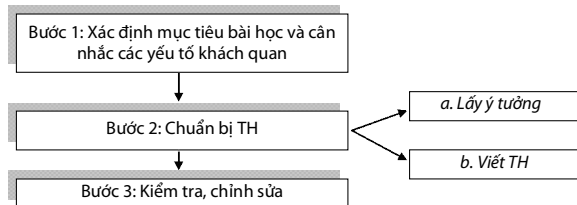
PPNCTH là một phương pháp đặc thù của DH giải quyết vấn đề theo TH, ở đó, các TH là đối tượng chính của quá trình DH. Như đã nói ở trên, trường hợp được nêu ra trong DH là những TH DH điển hình và quá trình người học nghiên cứu trường hợp cũng chính là quá trình hiểu và vận dụng tri thức.

**2.2. Các bước xây dựng, thiết kế giáo án PPNCTH trong DH TLH**

**2.2.1. Một số nguyên tắc sử dụng TH trong DH:**

1) Lựa chọn TH phù hợp với đối tượng (căn cứ vào năng lực, trình độ của người học trong lớp để lựa chọn TH thích hợp); 2) Đưa ra TH đúng thời điểm thích hợp trong tiết dạy: vào bài, củng cố bài, chuẩn bị cho bài sau; 3) Dành thời gian thích hợp cho người học suy nghĩ đưa ra cách giải quyết; 4) Phát huy vai trò chủ đạo, tổ chức, hướng dẫn của GV; 5) Tạo điều kiện cho HS thể hiện năng lực và phát huy tính sáng tạo; 6) Linh hoạt khi sử dụng các PPDH hỗ trợ. Không có PPDH nào là vạn năng. Để thành công trong một tiết dạy đòi hỏi GV phải khéo léo vận dụng các PPDH.

**2.2.2. Quy trình chuẩn bị thiết kế TH.** Trong DH TH việc thiết kế TH DH có vai trò quan trọng. Có nhiều tác giả đưa ra quy trình thiết kế TH (soạn thảo TH). Chẳng hạn như quy trình 3 bước:



Các bước chuẩn bị giáo án để thiết kế DH TH trong môn TLH, chúng tôi dựa trên cơ sở lí luận của PGS.TS Trịnh Văn Biều về DH TH để chuẩn bị các bước giáo án:

- Bước 1. **Xác định mục tiêu** là định hướng căn bản cho việc tiến hành giảng dạy một bài cụ thể. Từ đó GV căn cứ vào mục tiêu bài học để lựa chọn TH DH sao cho phù hợp.

- Bước 2. **Xác định nội dung kiến thức** DH gắn với TH sẽ sử dụng. Từ nội dung bài dạy xác định những kiến thức có khả năng thiết kế TH. GV phải tự trả lời các câu hỏi như: sau khi giải quyết xong TH, người học sẽ đạt được điều gì? có phù hợp với mục tiêu và nội dung DH không?

- Bước 3. **Thu thập dữ liệu** để thiết kế TH bằng cách tìm kiếm từ các nguồn như: Những mẫu chuyện ngắn, sách báo, tài liệu tham khảo,...; Những TH bắt gặp trong cuộc sống hoặc kinh nghiệm bản thân; Những kinh nghiệm dân gian trong ca dao, tục ngữ; hay từ chính những kinh nghiệm, TH từ người học...

- Bước 4. **Lựa chọn hình thức mô tả TH.** Tùy theo nội dung và điều kiện cụ thể, có thể mô tả TH dưới các hình thức sau: bằng câu chuyện kể; thông qua các câu thơ; ca dao, tục ngữ...; những đoạn phim, clip, đoạn âm thanh ngắn.

- Bước 5. **Thiết kế TH:** GV thiết kế TH trên cơ sở những thông tin thu thập được và hình thức mô tả TH đã lựa chọn. GV cần phải phân tích và lựa chọn thông tin, xác lập logic các sự kiện, tiên lượng trình độ nhận thức, kĩ năng hành động và thái độ của người học.

- Bước 6. **Tham khảo ý kiến của đồng nghiệp**

- Bước 7. **Chỉnh sửa và hoàn thiện TH**

Sau khi chuẩn bị, hoàn thiện các bước trong giáo án, GV sẽ tiến hành DH bằng TH qua 5 bước: 1) GV nêu TH đồng thời nêu rõ nhiệm vụ cần phải giải quyết; 2) Tổ chức, điều khiển lớp hoạt động để đưa ra cách giải quyết TH; 3) HS trình bày phương án giải quyết TH; 4) GV cho cả lớp nhận xét, thảo luận về câu trả lời của bạn nhằm chọn ra cách giải quyết tối ưu nhất. Sau đó GV nhận xét câu trả lời của các em; 5) Khẳng định và củng cố. GV có thể tóm tắt hoặc trao đổi với HS trước khi đưa ra cách giải quyết chính xác và thuyết phục nhất.

**3. Ví dụ minh họa sử dụng PPNCTH trong DH TLH ở Trường CĐSP Bà Rịa - Vũng Tàu**

*“Nhu cầu gắn bó với người lớn và phức cảm hờ hững ở trẻ sơ sinh”.*

- Mục tiêu bài học: Học xong bài học này, HS có thể:

+ **Về kiến thức:** Định nghĩa được nhu cầu gắn bó của trẻ với người lớn (đặc biệt là với mẹ); nêu được vai trò của nhu cầu này đối với sự phát triển của trẻ; trình bày được các kiểu gắn bó mẹ - con; mô tả được hiện tượng “phức cảm hờ hững” ở trẻ sơ sinh.

+ **Về kĩ năng:** Vận dụng những kiến thức trên vào việc nhận diện, phân tích được các kiểu gắn bó mẹ con khi giải quyết các bài tập và liên hệ thực tiễn cũng như việc chăm sóc trẻ và tư vấn, giúp đỡ các bậc cha mẹ chăm sóc con ở giai đoạn này. Nhận diện được hiện tượng “phức cảm hờ hững” ở trẻ sơ sinh; + **Về thái độ:** Tinh thần hợp tác làm việc nhóm; tham gia tích cực vào giờ giảng; tích cực vận dụng những điều đã học được vào việc chăm sóc và nghiên cứu trẻ em đặc biệt là trẻ em tuổi sơ sinh; có lòng yêu trẻ, muốn gần trẻ tìm hiểu trẻ.

- Dự kiến phương tiện: Máy chiếu, máy vi tính, phiếu học tập, video, hình ảnh.

- Dự kiến về các phương pháp có thể phối hợp: Thuyết trình nêu vấn đề, kể chuyện, thảo luận nhóm, trực quan (video, hình ảnh).

+ Cách tiến hành: Để thực hiện mục tiêu trên, chúng tôi đã sử dụng PPDH TH trong bài như sau:

Đặt vấn đề: Chúng tôi sử dụng TH là một câu chuyện nhỏ:

GV kể câu chuyện: Trước đây, các nhà từ thiện của một tổ chức cứu trợ trẻ em Radda Barnen của Thụy Điển đã làm một cuốn phim về một trại trẻ mồ côi ở Gioóc-đa-ni, họ đã ghi lại những thước phim về trẻ em hết sức thương tâm: Có những em nằm trên chiếc giường trống không hết nghiêng bên trái lại nghiêng bên phải. Có em ngồi giữa giường đầu gật lia lịa như người động kinh. Có em đầu đập liên tục vào thành giường, thành cũi...[2]. Vì sao lại có những hiện tượng như vậy? Phải chăng ngay từ khi còn nhỏ các em đã thiếu đi sự gắn bó với mẹ cha? Vậy nhu cầu gắn bó với mẹ cha ở trẻ như thế nào? Sự gắn bó đó có vai trò gì đối với sự phát triển của trẻ? Bài học hôm nay sẽ đi tìm câu trả lời cho vấn đề này và lí giải hiện tượng trẻ em ở trại trẻ mồ côi Gioóc-đa-ni.

Việc đưa ra TH này dẫn dắt người học khám phá tri thức và cũng là để hình thành động cơ học tập cho họ. Quá trình DH cũng chính là quá trình giải quyết TH trên. Trên cơ sở giải quyết TH này người học đạt được mục tiêu học tập.

- Trong quá trình giảng dạy, để người học đạt được mục tiêu (trình bày được các kiểu gắn bó mẹ con, có kĩ năng trong chăm sóc trẻ và tư vấn, giúp đỡ các bậc cha mẹ chăm sóc về mặt tinh thần cho con ở giai đoạn này), chúng tôi đưa ra 4 TH cho người học nghiên cứu (TH được thiết kế dưới dạng các phiếu học tập dựa trên tư liệu “*Mẹ và con - Bước đầu tìm hiểu tâm lí sản phụ và quan hệ sớm mẹ con ở Việt Nam*”, của tác giả - bác sĩ Vũ Thị Chín, NXB Văn hóa thông tin, 1997 và có cải biên, điều chỉnh cho phù hợp) và chia lớp thành 4 nhóm cho người học thảo luận về các TH này.

TH 1: Tâm sự của người mẹ: “Giây phút nghe con gái yêu cất tiếng khóc chào đời, người mình như lặng đi, mọi âm thanh như ngừng lại để dành cho tiếng khóc con yêu. Chông bề con qua cho mình và lúc này thật sự là tột cùng của hạnh phúc: “ôi yêu quá...yêu quá...” nước mắt cứ trào ra khi mình hôn con, cả đời mình chắc chắn không bao giờ quên được giây phút thiêng liêng ấy, giây phút mình có thêm một tình yêu lớn lao trong cuộc đời”. Bé sinh ra khỏe mạnh, nặng 3,2kg, tiếng khóc to.

TH 2: Tâm sự của người mẹ: “Mẹ cảm thấy có lỗi khi sinh con ra mà không đủ tháng. Bác sĩ bảo con chỉ được hơn 1kg, sức khỏe của con quá yếu nên phải ấp trong lồng kính. Trong lòng mẹ thấy nôn nao cảm giác muốn được ôm con vào lòng. Mẹ cảm thấy xót xa vô cùng, khi nhìn con nằm trong tấm chăn với thân hình non nớt, bé xíu. Mẹ rất thích mỗi khi được ngắm nhìn con ngủ, trông con giống như một thiên thần. Chỉ còn vài ngày nữa là mẹ con mình được về nhà. Con sẽ được yêu thương và chăm sóc thật tốt, mái ấm của chúng ta sẽ ngập tràn những tiếng cười vui. Cảm ơn vì con đã đến bên mẹ”.

TH 3: Tâm sự của một người mẹ: “Tôi trót dại rồi sinh nó ở cái tuổi 19. Tôi thực sự không muốn cộ nó vì ba nó khi biết tin thì bỏ xứ đi nơi khác làm ăn. Ông đã có gia đình mà tôi không hề hay biết”. Quan sát và ghi chép của bác sĩ: Người mẹ ít có những cử chỉ vuốt ve con, thờ ơ với bé. Bé sinh ra đủ tháng, khỏe mạnh.

TH 4: Tâm sự của một người chồng: “Đến khi vợ tôi mang thai đứa thứ 3, lại là con gái thì bố mẹ tôi chửi. Bảo vợ tôi chỉ biết ăn mà không biết đẻ. Ông bà còn xúi tôi bỏ vợ cưới người khác, không thì đi cặp bồ cũng được miễn là tìm được người đàn bà biết đẻ cháu trai cho họ. Vợ tôi chán nản, thờ ơ, ăn uống ít. Đứa bé sinh thiếu tháng, rất yếu ớt. Sau khi sinh vợ tôi trở nên lãnh đạm, khi ngồi thụp xuống góc phòng khóc thút thít. Con bé vì ít được mẹ quan tâm nên càng yếu hơn.”

Chúng tôi thiết kế dưới dạng các phiếu học tập như sau để người học dễ dàng hơn trong việc thảo luận và có thể rút ngắn thời gian thảo luận:

#### **Nội dung TH: TH 1 (2, 3, 4)**

#### **Nội dung thảo luận:**

Tín hiệu của mẹ:

Tín hiệu của con

Ảnh hưởng của quan hệ mẹ - con tới sự phát triển của trẻ (thuận lợi hay không thuận lợi)

Biện pháp (người lớn cần làm gì để trẻ phát triển thuận lợi?)

Người học sẽ thảo luận TH trong 5 phút, sau đó đại diện lên trình bày kết quả của nhóm. Các nhóm

nhận xét, GV bổ sung, tổng kết và trình chiếu nội dung bài học. Thông qua TH này, người học dễ dàng trong việc hiểu nội dung tri thức vì nó gắn liền với thực tiễn cuộc sống.

- Khâu luyện tập, củng cố bài học: Để kiểm tra người học có đạt được mục tiêu bài học (là biết tư vấn cho các bậc cha mẹ trong chăm sóc con ở giai đoạn này), chúng tôi đưa ra TH sau: “*Bé A, 4 tháng tuổi, ít có biểu hiện mỉm cười khi giao tiếp với người khác. Em hãy tư vấn giúp cha mẹ bé chăm sóc con tốt hơn để bé phát triển phù hợp với độ tuổi*”. Người học sẽ vận dụng kiến thức bài học để trả lời câu hỏi TH. Trên cơ sở người học trả lời được câu hỏi thì mục tiêu bài học đạt được.

Đây là bài dạy mà tác giả sử dụng để dự thi GV dạy giỏi trung cấp chuyên nghiệp cấp tỉnh và toàn quốc năm 2015. Với việc sử dụng PPDH TH và một số phương pháp khác (thuyết trình nêu vấn đề, phương pháp trực quan và thảo luận nhóm), bài dạy này được đánh giá cao bởi các giám khảo hội thi, kết quả chung cuộc ở các nội dung thi đã đạt giải Nhì.

#### **4. Đánh giá những khó khăn, thuận lợi khi sử dụng PPDHTH**

Phương pháp này đã được áp dụng trong giảng dạy các học phần Tâm lý - Giáo dục học như *TLH đại cương, TLH lứa tuổi và sự phạm, Tâm lý trẻ mầm non* và cả một số học phần của *Giáo dục học*, học phần *Quản lý giáo dục mầm non*. Qua thời gian sử dụng phương pháp này, tác giả nhận thấy:

##### **4.1. Những thuận lợi.**

- PPNCTH giúp gắn lí thuyết với thực tiễn trong DH, nâng cao tính thực tiễn của môn học. Thông qua việc giải quyết TH, người học sẽ có điều kiện để vận dụng linh hoạt các kiến thức lí thuyết.

- PPNCTH góp phần nâng cao tính tích cực, chủ động, sáng tạo và hứng thú học tập của người học. Trong DH theo TH các nhóm HS phải chủ động tìm kiếm và phân tích các thông tin để đi tìm các giải pháp có thể có cho TH. Để đáp ứng được yêu cầu này, người học phải chủ động tư duy, thảo luận/tranh luận trong nhóm để tìm hiểu sâu thêm về lí thuyết cũng như thực tiễn và tìm ra các giải pháp cho các TH. Sự tham gia tích cực đó đã góp phần tạo ra sự hứng thú và say mê học tập, sáng tạo của HS.

- PPNCTH giúp HS nâng cao kĩ năng làm việc nhóm, kĩ năng phân tích, giải quyết vấn đề, kĩ năng trình bày, bảo vệ và tranh luận, phản biện ý kiến trước tập thể. Người học học được cách chia sẻ kiến thức, thông tin để cùng đạt được mục tiêu chung. Thêm nữa, người học cũng học được cách tôn trọng và lắng

nghe ý kiến của người khác trong quá trình làm việc nhóm hay tranh luận về các giải pháp.

- Trong PPNCTH, GV cũng có điều kiện trao đổi, học hỏi những kinh nghiệm và những cách nhìn, giải pháp mới từ phía người học, thông qua đó mà góp phần làm phong phú hơn nội dung giảng dạy cũng như hoàn thiện các TH DH.

##### **4.2. Một số khó khăn, tồn tại:**

- DH theo PPNCTH đòi hỏi người học phải có tư duy độc lập, khả năng tự học, tự nghiên cứu. Nhưng trên thực tế do ảnh hưởng lối học “thầy đọc - trò chép” khá lâu nên người học khá thụ động, thiếu tư duy độc lập nên không phải sinh viên nào cũng thích ứng ngay và có thể học tốt.

- Lớp học bố trí quá đông nên người học sẽ khó khăn trong tham gia thảo luận giải quyết TH.

- Người học tốn khá nhiều thời gian để tư duy, giải quyết TH và rút ra các tri thức cần thiết. Khi gặp TH khó, thiếu sự hấp dẫn hay bị lạc hướng, dễ nản chí hoặc không nhiệt tình tham gia.

- GV phải mất nhiều thời gian, công sức chuẩn bị các TH cũng như phương án giải quyết, do đó, GV phải luôn đổi mới, cập nhật các thông tin, kiến thức và kĩ năng mới nên cũng gặp nhiều khó khăn.

- GV gặp khó khăn trong cách tổ chức lớp học, bố trí thời lượng, đặt câu hỏi, tổ chức và khuyến khích học viên thảo luận, nhận xét, phản biện.

- DH qua TH cũng đòi hỏi GV phải có kinh nghiệm chuyên môn lâu năm cũng như sự trải nghiệm, vốn văn hóa sống, vốn tri thức đủ “dày” thì mới sáng tạo ra các TH khác nhau và cách giải quyết khác nhau. Đây cũng là một trở ngại cho những GV trẻ, mới vào nghề.

\* \* \*

PPNCTH đã chứng tỏ tính ưu việt vượt trội trong việc đưa người học vào đúng vị trí trung tâm của quá trình DH, tăng hứng thú học tập của người học, cũng như nâng cao tính thực tiễn của môn học, rút ngắn khoảng cách giữa đào tạo nhà trường và nhu cầu thực tiễn xã hội, thực tiễn nghề nghiệp. Có thể nói, PPNCTH góp phần không nhỏ vào việc khai thác tiềm năng trí tuệ của người học, phát huy tối đa tính tích cực và sáng tạo của họ trong học tập.

Vì vậy, GV cần ý thức được tính cần thiết của việc áp dụng PPNCTH trong DH cũng như rèn luyện sự nhạy cảm nghề nghiệp và thói quen thường xuyên sưu tầm, quan sát, ghi chép những TH có thực do tự trải nghiệm, được nghe kể, hoặc từ các phương tiện thông tin đại chúng,... Trên cơ sở những TH sưu tầm, biên soạn được, cần tiến hành xây dựng “ngân hàng” các TH DH dưới nhiều hình thức. □

(Xem tiếp trang 51)

trong công viên vẫn có số lượng gần đạt mức kỷ lục.

Vào mùa hè 2014, có gần 5000 con bò bizon lang thang trong công viên. Các nhà sinh vật học quyết định trong thời gian tới, mỗi năm sẽ phải loại trừ 600-800 con bò rừng ở công viên quốc gia này nhằm giảm bớt đàn thú quá đông tại đây. Theo dự kiến, các thợ săn có thể giết hơn 300 con bò, số còn lại sẽ bị bắt để giết mổ hoặc phục vụ nghiên cứu. Nghiên cứu thông tin trên, em hãy trả lời các câu hỏi sau:

a) Tại sao số lượng bò bizon trong công viên Yellowstone gia tăng nhanh chóng trong những năm gần đây?

b) Nếu như số lượng bò trong công viên vẫn tiếp tục gia tăng sẽ dẫn tới điều gì?

c) Tại sao công viên Mĩ lại đưa ra quyết định cho phép săn bắn bò rừng? Theo em quyết định này có trái với mục đích bảo vệ các loài động vật hoang dã của công viên không?

d) Trong thực tiễn nước ta, có những trường hợp nào hoạt động của con người đã gây mất cân bằng sinh học trong quần xã. Em hãy đề xuất các biện pháp khắc phục.

### 3. Kết luận

Qua thực nghiệm sư phạm, chúng tôi nhận thấy, việc thiết kế các dạng HĐHT như: giải BTTH, THTN, NCTH trong dạy học phân Sinh vật và môi trường (Sinh học 9) theo quy trình đề xuất ở trên đã góp

phần rèn luyện và phát triển NLGQVĐ của HS. Vì vậy, GV cần nắm vững quy trình thiết kế các dạng HĐHT phát triển NLGQVĐ để thiết kế các hoạt động này có chất lượng và tổ chức hợp lí trong quá trình dạy học nhằm đáp ứng mục tiêu đổi mới phương pháp dạy học hiện nay của Bộ GD-ĐT. □

### Tài liệu tham khảo

- [1] Vụ Giáo dục trung học - Bộ GD-ĐT (2014). *Dạy học và kiểm tra, đánh giá kết quả học tập theo định hướng phát triển năng lực học sinh môn Sinh học cấp trung học cơ sở*.
- [2] Jean Paul Reeff (1999). *New assessment tools for cross-curricular competencies in the domain of problem solving*. Final report of project ERB-SOE2-CT98-2042. Funded under the Targeted Socio-Economic Research (TSER) Programme - Directorate General XII Science, Research and Development/ Directorate F EUROPEAN Commission, pp.48.
- [3] Bộ GD-ĐT (2015). *Dự thảo Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể*.
- [4] Trần Bá Hoành (2006). *Đổi mới phương pháp dạy học chương trình và sách giáo khoa*. NXB Đại học Sư phạm.
- [5] Minh Nhật (2016). *Ông kĩ sư bán nhà để nghiên cứu lúa, ngô*. Tạp chí Khoa học và phát triển, số 24, tháng 6/2016, tr 7.
- [6] Bộ GD-ĐT (2014). *Tài liệu hội thảo xây dựng chương trình giáo dục phổ thông theo định hướng phát triển năng lực học sinh*.
- [7] Nguyễn Quang Vinh (2005). *Sinh học 9*. NXB Giáo dục.

## Xây dựng bộ tiêu chuẩn...

(Tiếp theo trang 54)

cường bồi dưỡng để GV có thể nâng cao năng lực DHTH. □

### Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Phúc Chính (2012). *Vận dụng quan điểm tích hợp trong dạy học ở trường trung học phổ thông*. Tạp chí Giáo dục, Số 296, kì 2 tháng 10/2012, tr 51.
- [2] Nguyễn Phúc Chính (2012). *Tích hợp trong dạy học sinh học*. NXB Đại học Thái Nguyên.
- [3] Xavier Roegiers (2011). *Des situations pour intégrer les acquis scolaires*. Bibliotheque royale de Belgique, Bruxelles, 2011/0074/055, ISBN 978-2-8041-63686.
- [4] А.Я.Данилюк (2000). *Теория интеграции образования*. Издательство РГПУ.344082. г. Ростов-на-Дону. Ул. Б. Садовая.
- [5] Lê Đình Trung - Phan Thị Thanh Hội (2016). *Dạy học theo định hướng hình thành và phát triển năng lực người học ở trường phổ thông*. NXB Đại học Sư phạm.

## Các bước chuẩn bị và xây dựng...

(Tiếp theo trang 59)

### Tài liệu tham khảo

- [1] Đặng Quốc Bảo (2002). *Vận dụng phương pháp nghiên cứu tình huống vào công tác huấn luyện tại trường cán bộ quản lí và đào tạo*. Tài liệu Trường Cán bộ quản lí giáo dục, Hà Nội.
- [2] Trịnh Văn Biều (2005). *Các phương pháp dạy học hiệu quả*. Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh.
- [3] Vũ Dũng (2000). *Từ điển Tâm lí học*. NXB Khoa học xã hội.
- [4] Nguyễn Hữu Lam. *Giảng dạy theo phương pháp tình huống* (bài giảng) - Chương trình giảng dạy kinh tế Fulbright (01/10/2003 - 04/10/2003 tại FETP).
- [5] Phan Trọng Ngo (2005). *Dạy học và phương pháp dạy học trong nhà trường*. NXB Đại học Sư phạm.
- [6] Phan Thế Sùng - Lưu Xuân Mới (2000). *Tình huống và cách ứng xử tình huống trong quản lí giáo dục đào tạo*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [7] Nguyễn Ánh Tuyết (2004). *Giáo dục mầm non - Những vấn đề lí luận và thực tiễn*. NXB Đại học Sư phạm.